

Bài 5: INTERNET*Thời gian thực hiện: 02 tiết (Tiết 10, 11)***I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có kiến thức về:**

- Biết internet là gì
- Biết một số đặc điểm và lợi ích chính của internet

2. Về năng lực:**2.1. Năng lực chung**

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về Internet là gì, đặc điểm và lợi ích chính của Internet.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về Internet và các lợi ích mà Internet đem lại đối với HS.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT,...

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực C (NLC):

- *Nhận biết* được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet.
- *Phân biệt* được các đặc điểm của Internet.
- *Nêu* được ví dụ minh họa về lợi ích của Internet.
- *Nêu* được ví dụ minh họa về ứng dụng của Internet với đời sống.

3. Về phẩm chất:

- Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- GV: Máy tính, máy chiếu, đề KT,
Video bài giảng: <https://youtu.be/g-Fn8Caf6zU?si=bObUayrcrFNa2OhP>
- HS: SGK, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về Internet

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****Mục tiêu:**

- HS hiểu được lợi ích của Internet với cuộc sống

Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh:

- GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước toàn lớp. Chia nhóm HS thảo luận.
- Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người trình bày.
- Nhóm thảo luận, trình bày câu trả lời vào bảng nhóm.
- Kết thúc thảo luận, các nhóm báo cáo kết quả, GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chọn ra các câu trả lời chính xác và khái quát. GV chốt và dẫn vào bài.

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
--------------------------	-------------------------

Học sinh chia nhóm, thảo luận và trình bày các nội dung giáo viên đưa ra trước lớp.	Câu trả lời của các nhóm viết trên bảng nhóm gồm các nội dung sau: - Em đã tìm kiếm thông tin cần thiết trên Internet, đặt vé và thanh toán.
---	---

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Internet

Mục tiêu: Thông qua hoạt động này, HS hiểu được khái niệm Internet, kể ra được những công việc mà người sử dụng có thể làm khi truy cập Internet.

Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh: GV yêu cầu HS chia cặp đôi, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. HS thảo luận Internet là gì, làm cách nào máy tính có thể kết nối vào Internet, người sử dụng có thể làm những gì khi truy cập Internet và các dịch vụ trên Internet. HS trình bày trước lớp, GV yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của HS.

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
- HS đọc phần nội dung kiến thức mới và phần lưu ý. 	- HS biết được Internet là mạng của các mạng máy tính. - Muốn máy tính kết nối vào Internet thì người sử dụng cần đăng kí với nhà cung cấp dịch vụ Internet (VNPT, FPT, Viettel,...) - Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin. - Các dịch vụ trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử, điện thoại, mạng xã hội, kinh doanh, lưu trữ, trao đổi thông tin,...
HS ghi nhớ kiến thức trong hộp kiến thức. 	- Internet là mạng của các mạng máy tính trên khắp thế giới. - Máy tính có thể kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet. - Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin. - Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử,...
-HS củng cố kiến thức 	HS trả lời câu hỏi trong phần củng cố. Đáp án trình bày như sau:
a) Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới. b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ , lưu trữ và trao đổi thông tin . c) Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet	

2. Đặc điểm của Internet

Mục tiêu: Thông qua hoạt động này, HS nêu được các đặc điểm chung của Internet: toàn cầu, tương tác, dễ tiếp cận, không chủ sở hữu, cập nhật, lưu trữ, đa dạng, ẩn danh. Qua đó HS rút ra được các đặc điểm chính.

Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh: GV yêu cầu HS chia nhóm, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. HS thảo luận Internet có những đặc điểm nổi bật nào. HS trình bày trước lớp, GV yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của HS.

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
- HS đọc phần nội dung kiến thức mới 	- Internet là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên thế giới. Người sử dụng có thể nhận và gửi thông tin. - Tốc độ truy cập Internet cực nhanh nên việc tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin rất thuận tiện, có thể thực hiện trong mọi lúc, ở mọi nơi. - Thông tin trên Internet rất đa dạng, phong phú, được cập nhật thường xuyên, có thể sao lưu dễ dàng với dung lượng lớn. - Người sử dụng không nhất thiết phải dùng tên thật, có thể dùng một tên tùy chọn.
HS ghi nhớ kiến thức trong hộp kiến thức. 	- Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.
-HS củng cố kiến thức 	HS trả lời câu hỏi trong phần củng cố. Đáp án trình bày như sau:
1.Đáp án A, B, D, F. 2. Tùy ý kiến của HS	

3. Lợi ích của Internet

Mục tiêu: Thông qua hoạt động này, HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng lớn của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống. Qua đó giúp HS nhận thức được Internet có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển

Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh: GV yêu cầu HS chia nhóm, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa. Thảo luận HS vào Internet để thực hiện mục đích gì, lợi ích mà Internet đem lại, những tác hại của Internet đối với HS và HS cần làm gì để khắc phục những tác hại đó. HS trình bày trước lớp, GV yêu cầu HS nhận xét câu trả lời của bạn, GV nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của HS.

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
- HS đọc phần nội dung kiến thức mới  	- HS thường truy cập vào Internet để tìm tài liệu, học ngoại ngữ, học trực tuyến, xem tin tức, đăng bài lên mạng xã hội, nhắn tin với bạn bè, lướt Web, nghe nhạc, xem phim,... - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang Web (WWW), tìm kiếm, thư điện tử, ... - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
	đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt - Những tác hại của Internet đối với HS: ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng đến kết quả học tập, tăng nguy cơ mắc bệnh trầm cảm nếu sử dụng Internet liên tục trong thời gian dài. - Không nên sử dụng Internet liên tục trong nhiều giờ.
HS ghi nhớ kiến thức trong hộp kiến thức. 	Những lợi ích mà Internet đem lại: - Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả. - Học tập và làm việc trực tuyến. - Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú - Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống. - Là phương tiện vui chơi, giải trí.
-HS củng cố kiến thức 	HS trả lời câu hỏi trong phần củng cố. Đáp án trình bày như sau:
Đáp án A, B, D, E.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các kiến thức về Internet, cách kết nối máy tính vào Internet.

Tổ chức dạy học và đánh giá học sinh: GV yêu cầu HS làm câu hỏi trắc nghiệm trong sách giáo khoa hoặc GV tạo bài tập trắc nghiệm bằng phần mềm để HS tương tác trực tiếp. GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
HS làm câu hỏi trắc nghiệm trong sách giáo khoa	HS làm câu hỏi trắc nghiệm trong sách giáo khoa. Đáp án như sau: 1.Đáp án C 2. Muốn máy tính kết nối được Internet, người sử dụng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

D. Hoạt động 4: Vận dụng, tìm tòi, mở rộng

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để lí giải các vấn đề về Internet và ứng dụng của Internet với cuộc sống.

Tổ chức dạy học và đánh giá HS: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm HS (2 bài tập trong phần Vận dụng của SGK), học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sau đó gửi kết quả qua email cho GV. GV căn cứ vào sản phẩm của HS để đánh giá.

Hoạt động học tập của HS	Dự kiến sản phẩm của HS
1. Em hãy lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại	1. Internet là một kho học liệu vô tận, mọi người đều có thể tra cứu tài liệu để học tập, nghiên cứu, chia sẻ và tìm

lợi ích cho việc học tập và giải trí.	kiếm thông tin. Internet cung cấp các dịch vụ để giải trí như xem phim trực tuyến, nghe nhạc, chơi game online, xem tin tức, vào mạng xã hội,... Internet còn giúp mọi thứ có thể kết nối và điều khiển từ xa như ô tô thông minh, ngôi nhà thông minh,...
2. Em hãy giải thích tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.	2.HS vận dụng những kiến thức về đặc điểm và lợi ích của Internet đã được tìm hiểu để trả lời nội dung này.

KIỂM TRA 10'**Câu 1:** Một mạng máy tính gồm

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. một số máy tính bàn.
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.**
- D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một nhà.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Trong một mạng máy tính các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ
- B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong một mạng máy tính
- C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính
- D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính**

Câu 3: Điều nào không phải là thiết bị kết nối:

- A. Đường truyền dữ liệu
- B. Bộ chia
- C. Bộ chuyển mạch
- D. Máy tính**

Câu 4: Mạng máy tính gồm các thành phần

- A. Máy tính và thiết bị kết nối
- B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối
- C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng**
- D. Máy tính và phần mềm mạng

Câu 5: Trong các nhận định sau nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính

- A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng
- B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ**
- C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm
- D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng

Câu 6: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị đầu cuối ?

- A. Máy tính
- B. Máy in
- C. Bộ định tuyến**
- D. Máy quét

Câu 7: Phát biểu nào sau đây không chính xác?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
- C. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại,...
- D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.**

Câu 8: Điền vào chỗ chấm: “Nhờ vào mạng máy tính, người sử dụng có thể (1)..... để trao đổi (2)..... chia sẻ (3)..... và dùng chung các (4)..... trên mạng”.

- A. liên lạc với nhau – dữ liệu – thông tin – thiết bị
- B. Dữ liệu – thông tin – liên lạc với nhau – thiết bị
- C. liên lạc với nhau – thông tin – dữ liệu – thiết bị**
- D. thông tin – dữ liệu – liên lạc với nhau – thiết bị

Câu 9: Chọn phương án sai?

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng cáp
- B. Mạng không dây kết nối các máy tính bằng sóng vô tuyến
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các điện thoại di động
- D. Mạng có dây có thể đặt cáp đến bất cứ địa điểm và không gian nào**

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.
- B. Internet là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.**
- C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thông tin trên phạm vi toàn cầu.
- D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 11: Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng máy tính.
- B. người quản trị mạng xã hội.
- C. nhà cung cấp dịch vụ Internet.**
- D. một máy tính khác.

Câu 12: Câu nào sau đây không đúng?

- A. Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên toàn cầu.
- B. Có nhiều dịch vụ thông tin trên internet như WWW, tìm kiếm, thư điện tử....
- C. Thông tin trên Internet không được cập nhật thường xuyên**
- D. Người sử dụng có thể tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin trên Internet.

Câu 13: Người dùng có thể tiếp cận và chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi, không phụ thuộc vào vị trí địa lý khi người dùng kết nối vào đâu?

- A. Laptop
- B. Máy tính
- C. Mạng máy tính
- D. Internet**

Câu 14: Internet là mạng:

- A. Kết nối hai máy tính với nhau
- B. Kết nối các máy tính trong một nước
- C. Kết nối nhiều mạng máy tính trên phạm vi toàn cầu**
- D. Kết nối các máy tính trong một thành phố

Câu 15: Câu nào đúng trong các câu sau:

- A. Chúng ta có thể sử dụng bất kì thông tin nào trên Internet mà không cần xin phép.
- B. Thông tin trên Internet rất độc hại với học sinh nên cần cấm học sinh sử dụng Internet.
- C. Internet cung cấp môi trường làm việc trực tuyến, giải trí từ xa.**
- D. Trên Internet có đầy đủ những thứ chúng ta muốn mà không cần phải tìm kiếm ở bên ngoài

Câu 16: Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là:

- A. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm
- B. Các từ khóa liên quan đến trang web
- C. Địa chỉ của trang web
- D. Bản quyền**

Câu 17: Câu nào trong các câu sau là phát biểu chính xác nhất về mạng Internet ?

- A. Là mạng của các mạng, có quy mô toàn cầu
- B. Là mạng có quy mô toàn cầu hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP**
- C. Là môi trường truyền thông toàn cầu dựa trên kỹ thuật máy tính
- D. Là mạng sử dụng chung cho mọi người, có rất nhiều dữ liệu phong phú

Câu 18: Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ chấm trong câu sau: “Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm,(1)..... lưu trữ và trao đổi(2).....”

- A. chia sẻ thông tin**
- B. thông tin Chia sẻ
- C. chia sẻ liên kết
- D. thông tindịch vụ

Câu 19: Thiết bị nào sau đây không thể kết nối Internet?

- A. Điện thoại thông minh
- B. Màn hình máy tính**
- C. Tivi thông minh
- D. Máy tính để bàn

Câu 20: Phát biểu nào sau đây không phải là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khoá học trực tuyến.
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.**
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

❖ Hướng dẫn học ở nhà

HS học bài và chuẩn bị trước bài 6 cho tiết sau

NGƯỜI DUYỆT	NGƯỜI SOẠN
Trương Quốc Hăng	Phạm Xuân Ký